

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, phường Phước Hưng, thị xã Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Quý 04 năm 2008

(Dạng tóm tắt)

			Đơn vị tính: VND		
	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
I	TÀI SẢN NGẮN H	100		123,482,981,855	136,204,033,426
1.	Tiền và các khoản t	110	V.1	19,064,388,868	99,131,363,127
2.	Các khoản đầu tư t	120		30,000,000,000	5,000,000,000
3.	Các khoản phải thu	130		35,956,893,619	23,192,231,295
4.	Hàng tồn kho	140		37,253,526,260	8,373,254,049
5.	Tài sản ngắn hạn k	150		1,208,173,108	507,184,955
II	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		142,520,465,679	140,103,413,562
1.	Các khoản phải thu	210		-	-
2.	Tài sản cố định	220		108,499,601,357	102,396,111,427
-	Tài sản cố định hữu	221	V.9	90,510,957,885	84,156,581,302
-	Tài sản cố định thuê	224		-	-
-	Tài sản cố định vô h	227	V.10	-	-
-	Chi phí xây dựng cơ	230	V.11	17,988,643,472	18,239,530,125
3.	Bất động sản đầu t	240		-	-
4.	Các khoản đầu tư t	250		27,671,175,704	27,721,175,704
5.	Tài sản dài hạn kh	260		6,349,688,618	9,986,126,431
III	TỔNG CỘNG TÀI	270		266,003,447,534	276,307,446,988
IV	NỢ PHẢI TRẢ	300		50,155,413,847	58,759,706,593
1.	Nợ ngắn hạn	310		49,848,146,002	58,399,395,688
2.	Nợ dài hạn	330		307,267,845	360,310,905
V	NGUỒN VỐN CHỦ	400		215,848,033,687	217,547,740,395
1.	Vốn chủ sở hữu	410		212,958,235,475	211,288,975,820
-	Vốn đầu tư của chủ	411	V.24	192,500,000,000	192,500,000,000
-	Thặng dư vốn cổ ph	412	V.24	-	-
-	Vốn khác của chủ s	413		-	-
-	Cổ phiếu quỹ	414	V.24	-	-
-	Chênh lệch đánh giá	415		-	-
-	Chênh lệch tỷ giá h	416		-	-
-	Quỹ đầu tư phát tri	417	V.24	17,212,870,600	14,325,924,524
-	Quỹ dự phòng tài ch	418	V.24	2,904,429,744	2,609,173,895
-	Quỹ khác thuộc vốn	419		-	-
-	Lợi nhuận sau thuế	420	V.24	340,935,131	1,853,877,401

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 04 năm 2008

(Dạng tóm tắt)

STT	CHỈ TIÊU	Kỳ báo cáo	Lũy kế
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	61,778,026,827	181,784,288,762
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	16,684,106	19,749,440
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	61,761,342,721	181,764,539,322
4.	Giá vốn hàng bán	70,503,208,355	168,182,502,567
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	(8,741,865,634)	13,582,036,755
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	1,503,601,544	3,066,941,895
7.	Chi phí tài chính	240,407,877	240,407,877
8.	Chi phí bán hàng	494,490,260	1,269,177,164
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	3,567,138,706	9,693,554,996
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(11,540,300,933)	5,445,838,613
11.	Thu nhập khác	1,116,963,404	5,031,412,138
12.	Chi phí khác	665,959,771	2,275,699,399
13.	Lợi nhuận khác	451,003,633	2,755,712,739
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(11,089,297,300)	8,201,551,352
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(11,089,297,300)	8,201,551,352
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(576)	426

19. Cổ tức trên mỗi cổ phiếu

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Hữu Mạnh Nhường

- -

Bà Rịa , ngày 15 tháng 01 năm 2009
TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Văn Lợi